TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-4-2023
V/v ly hôn, tranh chấp việc nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Điều**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Lê Thị Trúc Linh**

2/ Bà **Trần Thị Kim Đồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Ánh Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 19 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 451/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thạch Thị Kiều L**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

"Đề nghị xét xử vắng mặt"

2. Bị đơn: Anh **Thạch S**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

"Đề nghị xét xử vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thạch Thị Kiều L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn Thạch Thị Kiều L và bị đơn anh Thạch S thành hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/9/2017. Thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm, hiện vợ chồng không chung sống từ 16/01/2022 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết chị xin ly hôn với anh S.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Thạch Minh Đ, sinh ngày 15/8/2016 hiện đang sống với chị L. Chị L yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho anh S biết về việc chị L khởi kiện đồng thời triệu tập các đương sự đến Tòa án hòa giải nhằm giúp đỡ vợ chồng đoàn tụ nhưng phía anh S không đến Tòa hòa giải với chị L nên Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa chị L, anh S, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Thạch Thị Kiều L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Thạch S, cư trú tại Ấp M, xã T, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp việc nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên Tòa, nguyên đơn Thạch Thị Kiều L và bị đơn Thạch S vắng mặt nhưng chị L, anh S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa nguyên đơn Thạch Thị Kiều L và bị đơn anh Thạch Sập thành hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/9/2017 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh S là hợp pháp.

Thời gian chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, hiện vợ chồng không chung sống từ 16/01/2022 đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết chị xin ly hôn với anh S. Phía anh S thống nhất ly hôn chị L. Điều này, chứng tỏ rằng tình cảm giữa chị Loan, anh S mâu thuẩn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị L công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh S là phù hợp Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh, chị có 01 con chung Thạch Minh Đ, sinh ngày 15/8/2016 hiện đang sống với chị L. Xét yêu cầu nuôi con của chị Loan là có cơ sở chấp nhận, do từ lúc vợ chồng không chung sống, con chung chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh S thống nhất để con cho chị L nuôi nên giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp các điều 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, Chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thạch Thị Kiều L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị L chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: 1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Thạch Thị Kiều L và anh Thạch S.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung Thạch Minh Đ, sinh ngày 15/8/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Thạch Thị Kiều L nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị L đã nộp theo biên lai thu số 0014889 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị L nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Điều

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- Các đương sự;
-UBND xã Tân Mỹ
(Giấy CNKH số 99 ngày 14/9/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án.